

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 2025 – 2026

Môn: Toán 7

TT	Chủ đề/Chương	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá												Tổng			Tỉ lệ % điểm	
			TNKQ									Tự luận							
			Nhiều lựa chọn			“Đúng – Sai” ²			Trả lời ngắn ³										
			Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng		
1	Số hữu tỉ (15 tiết)	Số hữu tỉ và tập hợp các số hữu tỉ. Thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ	C1 C2 0.5 đ													0.5			0.5đ
		Các phép tính với số hữu tỉ	C3,4,5 0.75 đ	C6 0.25đ			C1 1 đ			C1.2 1 đ				C2 1.5 đ	0.75	2.25	C2 1.5 đ	4.5đ	
2	Số thực (6 tiết)	Số vô tỉ. Căn bậc hai số học	C7 0.25đ													0.25			0.25
		Tập hợp R các số thực	C8 0.25đ													0.25			0.25
3	Hình học trực quan (9 tiết)	Hình hộp chữ nhật, hình lập phương	C11 0.25đ				C2 1 đ									1.25			1.25đ
		Lăng trụ đứng tam giác, tứ giác	C12 0.25đ											C1 1.5 đ	0.25			C1 1.5 đ	1.75đ
4	Chương IV: Góc. Đường thẳng song song (11 tiết)	Góc ở vị trí đặc biệt	C9, 0.25							C4 0.5						0.25	0.5		0.75
		Tia phân giác của một góc		C10 0.25					C3 0.50							0.5	0.25		0.75
Tổng số câu			10	2		1	1		1	3				2	12	6	2	20	
Tổng số điểm			3,0			2,0			2,0			3,0			4,0	3,0	3,0	10	
Tỉ lệ %			30			20			20			30			40	30	30	100%	

BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
NĂM HỌC 2025 - 2026
Môn: Toán 7

T T	Chủ đề/Chương	Nội dung/đơn vị kiến thức	Yêu cầu cần đạt	Số câu hỏi ở các mức độ đánh giá											
				TNKQ									Tự luận		
				Nhiều lựa chọn			“Đúng – Sai”			Trả lời ngắn					
				Biết t	Hiể u	Vận dụn g	Biết t	Hiể u	Vận dụng	Biết	Hiể u	Vận dụng	Biết	Hiểu	Vận dụng
1	Số hữu tỉ	Số hữu tỉ và tập hợp các số hữu tỉ. Thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ	Nhận biết: - Nhận biết được số hữu tỉ tập hợp các số hữu tỉ. - Nhận biết được số đối của một số hữu tỉ. - Nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ. -Biết biểu diễn số hữu tỉ trên trục số	C1 (TD 1.1) C2 (TD 1.2)											
		Các phép tính với số hữu tỉ	Nhận biết: Số thập phân hữu hạn, số thập phân vô hạn tuần hoàn Thông hiểu: - Mô tả được phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ và một số tính chất của phép tính đó (tích và thương của hai lũy thừa cùng cơ số, lũy thừa của lũy thừa). - Mô tả được thứ tự thực hiện các phép tính, quy tắc dấu ngoặc, quy tắc chuyển vế trong tập hợp số hữu tỉ.	C3 (TD 1.1) C4, C6 (TD 1.2) C5 (TD 3.2)				C1 (GQ 2.2)			C1, (GQ 1.1) C2 (GQ 2.1)			C2 (GQ 3.2)	

[illegible]

		đứng tam giác, tứ giác	lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác (ví dụ: hai mặt đáy là song song; các mặt bên đều là hình chữ nhật, ...). Thông hiểu: Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật, hình lập phương..	(MH 1.1)											(MH 2.1)
4	Chương IV: Góc. Đường thẳng song song (11 tiết)	Góc ở vị trí đặc biệt	Nhận biết: Nhận biết được hai góc kề bù, hai góc đối đỉnh trong hình vẽ. Thông hiểu: Giải thích được vì sao hai góc đối đỉnh bằng nhau; xác định được các cặp góc đối đỉnh trong tình huống thực tế.	C9 (TD1 .1)						C4 (GQ 21.)					
		Tia phân giác của một góc	Nhận biết: Nhận biết được khái niệm tia phân giác của một góc. Biết ký hiệu và vị trí tia phân giác trong hình vẽ. Thông hiểu: Hiểu được tính chất tia phân giác chia góc thành hai góc bằng nhau. Giải thích được vì sao tia đó là tia phân giác. Mô tả được cách vẽ tia phân giác bằng thước và compa.	C10 (GQ 1.3)						C3 (GQ 1.1)					
Tổng số câu			10	2		1	1		1	3				2	
Tổng số điểm				3,0			2,0			2,0			3,0		
Tỉ lệ %				30			20			20			30		

UBND PHƯỜNG SA PA
TRƯỜNG TH&THCS CẦU MÂY

(Đề gồm 03 trang, 20 câu)
Đề 01

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2025 – 2026

Môn: Toán – Lớp 7
Thời gian làm bài: 90 phút
(Không kể thời gian giao đề)

Họ và tên.....Lớp

A. Trắc nghiệm (7 điểm)

PHẦN I. (3 điểm) Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Số đối của $\frac{-2}{3}$ là:

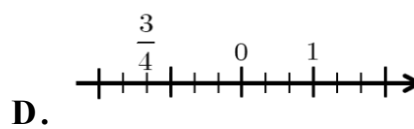
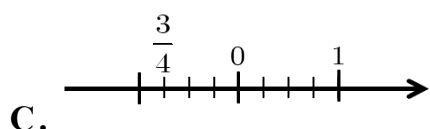
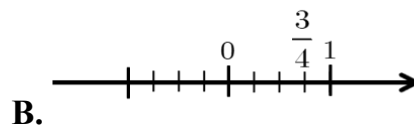
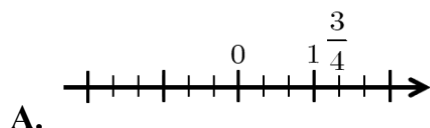
A. $\frac{3}{2}$.

B. $\frac{-3}{2}$.

C. $\frac{-2}{3}$.

D. $\frac{2}{3}$.

Câu 2. Cách biểu diễn số $\frac{3}{4}$ trên trục số nào dưới đây đúng?



Câu 3. Tính $(x^2)^3$ được kết quả là

A. x^5

B. x^8

C. x^6

D. x^9

Câu 4. Tính $(-1)^{2022}$ được kết quả là

A. -1

B. 2022

C. 2021

D. 1

Câu 5. Căn bậc hai số học của 81 là:

A. ± 9

B. 9

C. -9

D. 81

Câu 6. Kết quả của phép tính: $\frac{-2}{3} + \frac{5}{6} = ?$

A. $\frac{1}{2}$

B. $\frac{1}{6}$

C. $\frac{3}{2}$

D. $\frac{-1}{2}$

Câu 7. Phát biểu nào sau đây đúng về số vô tỉ?

A. Là số có thể biểu diễn dưới dạng phân số a/b , với $a, b \in \mathbb{Z}$, $b \neq 0$.

B. Là số có phần thập phân hữu hạn hoặc tuần hoàn.

C. Là số có phần thập phân vô hạn không tuần hoàn.

D. Là số nguyên âm.

Câu 8. Kết quả phép tính: $\sqrt{25} + \sqrt{16}$ là:

A. 9

B. -17

C. 25

D. 16

Câu 9. Hai góc kề bù là hai góc:

A. Có một cạnh chung và hai cạnh còn lại đối nhau.

B. Có tổng số đo bằng 90°

C. Vừa kề nhau, vừa bù nhau

D. Bằng nhau.

Câu 10. Cho góc $xOz = 60^\circ$. Tia Oz nằm giữa hai tia Ox và Oy sao cho $\widehat{xOz} = \widehat{zOy}$

A. Oz là tia phân giác của góc xOy.

B. Oz không phải là tia phân giác của góc xOy

C. Oz nằm ngoài góc xOy.

D. Không xác định được.

Câu 11. Công thức tính diện tích xung quanh của hình lập phương với độ dài cạnh là d là:

A. $S_{xq} = 4d^2$.

B. $S_{xq} = d^3$.

C. $S_{xq} = 2.d$.

D. $S_{xq} = 3.d^2$.

Câu 12. Hình lăng trụ đứng tứ giác có số cạnh là:

A.7.

B. 12.

C. 9.

D. 10.

PHẦN II. (2 điểm) Câu trắc nghiệm đúng sai. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 2. Trong mỗi ý a, b, c, d ở mỗi câu, học sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 13. Hai vòi cùng chảy vào một bể. Nếu vòi thứ nhất chảy một mình thì mất 2 giờ 30 phút mới đầy bể. Nếu vòi thứ hai chảy một mình thì mất 3 giờ 20 phút mới đầy bể. Coi toàn bộ bể nước là 1 đơn vị.

a) Trong một giờ, vòi thứ nhất chảy được $\frac{3}{5}$ bể.

b) Trong một giờ, vòi thứ hai chảy được $\frac{3}{10}$ bể.

c) Trong một giờ, cả hai vòi cùng chảy được một lượng nhỏ hơn $\frac{1}{2}$ bể.

d) Trong một giờ, nếu cả hai vòi cùng chảy một lúc thì còn $\frac{3}{10}$ bể nữa mới đầy bể.

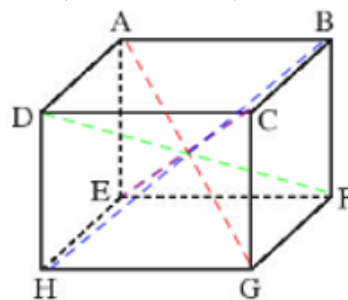
Câu 14. Cho hình hộp chữ nhật ABCD.EFGH, biết cạnh $AB = 5\text{ cm}$, $BC = 4\text{ cm}$, $AE = 3\text{ cm}$.

a) $CD = HG = EF = AB = 3 \text{ cm.}$

b) Các đường chéo của hình hộp chữ nhật ABCD.EFGH là AG, DF, EC, BH.

c) $AD = HE = GF = BC = 4 \text{ cm.}$

d) Các góc đỉnh C là: Góc BCD, góc DCG, góc CDH.



PHẦN III. (2 điểm) Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4.

Câu 15: Kết quả phép tính $\left(\frac{-1}{2}\right)^{11} : \left(\frac{-1}{2}\right)^9$ là bao nhiêu?

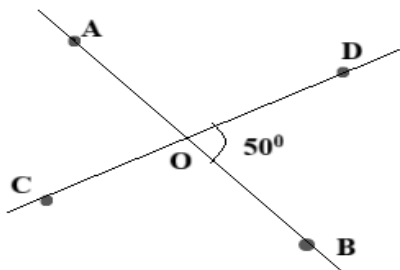
Câu 16: Tìm số hữu tỉ x , biết:

$$x - 1\frac{1}{4} = \frac{1}{2}$$

Câu 17. Nếu góc $xOz = 80^\circ$ và tia Oz là tia phân giác của góc đó thì $\widehat{xOz}$ bằng bao nhiêu độ?

Câu 18. Hai đường thẳng AB và CD cắt nhau tại O. Biết $\widehat{BOD}=50$. Như hình vẽ

Hỏi số đo của $\widehat{AOC}$ bằng bao nhiêu?

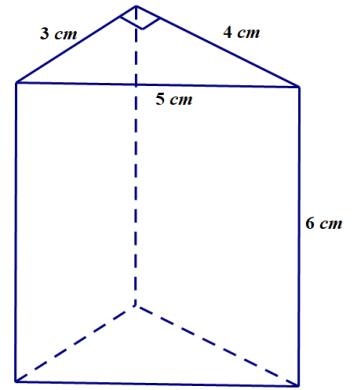


B. Tự luận (3 điểm)

Câu 19: (1.5 điểm) Cho hình vẽ bên.

a) Tính diện tích xung quanh của hình lăng trụ đứng tam giác ở hình bên.

b) Tính thể tích của hình lăng trụ đứng tam giác ở hình bên.



Câu 20: (1.5 điểm) Một người thợ xây cần pha vữa xi măng theo tỉ lệ $\frac{3}{4}$ bao xi măng cho mỗi xô cát.

- a) Để có 8 xô cát, người thợ cần dùng bao nhiêu bao xi măng?
b) Kết quả thu được là số hữu tỉ hay số vô tỉ ?

-----Hết-----

Đề 1

A. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

Từ câu 1 đến câu 14 mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm; từ câu 15 đến câu 18 mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm.

BẢNG ĐÁP ÁN

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	D	B	C	D	B	B	C	A	C	A	A	B
Câu	13a	13b	13c	13d	14a	14b	14c	14d	15	16	17	18
Đáp án	S	Đ	S	Đ	S	Đ	Đ	S	0,25	$\frac{7}{4}$	40 ⁰	50 ⁰

B. Tự luận (3,0 điểm)

Bài	Nội dung	Điểm
1	a) Diện tích xung quanh của hình lăng trụ đứng tam giác là: $S_{xq} = (3 + 4 + 5) \cdot 6 = 72 \text{ (cm}^2\text{)}$	0,5
	b) Thể tích của hình lăng trụ đứng tam giác là: $V = \left(\frac{1}{2} \cdot 3 \cdot 4\right) \cdot 6 = 36 \text{ (cm}^3\text{)}$	1
2	a) Số bao xi măng cần dùng là: $8 \cdot \frac{3}{4} = 6$ bao	1,0
	b) Vì 6 là số nguyên (có thể viết dưới dạng phân số $\frac{6}{1}$), nên nó là số hữu tỉ.	0,5

Phần 1. (3,0 điểm) Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Trong mỗi câu hỏi từ câu 1 đến câu 12, hãy viết chữ cái in hoa đứng trước phương án đúng duy nhất vào bài làm.

Câu 6. Kết quả của phép tính: $\frac{-2}{3} + \frac{5}{6} = ?$

Đáp án đúng là: B. $\frac{1}{6}$

Ta có: $\frac{-2}{3} + \frac{5}{6} = \frac{-4}{6} + \frac{5}{6} = \frac{1}{6}$

Câu 8. Kết quả phép tính: $\sqrt{25} + \sqrt{16}$ là:

Đáp án đúng là: A. 9

Ta có: $\sqrt{25} + \sqrt{16} = 5 + 4 = 9$

PHẦN II. (2 điểm) Câu trắc nghiệm đúng sai. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 2. Trong mỗi ý a, b, c, d ở mỗi câu, Học sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 13:

Thời gian vòi thứ nhất chảy một mình đầy bể là : $2\text{h } 30\text{ phút} = 2 + \frac{30}{60} = \frac{5}{2}\text{ h}$

Trong một giờ, vòi thứ nhất chảy được $\frac{2}{5}$ bể.

Thời gian vòi thứ hai chảy một mình đầy bể là $3\text{h } 20\text{ phút} = 3 + \frac{20}{60} = \frac{10}{3}\text{ h}$

Trong một giờ, vòi thứ hai chảy được $\frac{3}{10}$ bể.

Trong một giờ, cả hai vòi chảy được: $\frac{2}{5} + \frac{3}{10} = \frac{7}{10}$ bể

Trong một giờ, nếu cả hai vòi cùng chảy một lúc thì còn $\frac{3}{10}$ bể nữa mới đầy bể

Như vậy:

Sai a) Trong một giờ, vòi thứ nhất chảy được $\frac{3}{5}$ bể.

Đúng b) Trong một giờ, vòi thứ hai chảy được $\frac{3}{10}$ bể.

Sai c) Trong một giờ, cả hai vòi cùng chảy được một lượng nhỏ hơn $\frac{1}{2}$ bể.

Đúng d) Trong một giờ, nếu cả hai vòi cùng chảy một lúc thì còn $\frac{3}{10}$ bể nữa mới đầy bể.

Câu 14: Cho hình hộp chữ nhật ABCD.EFGH, biết cạnh $AB = 5\text{ cm}$, $BC = 4\text{ cm}$, $AE = 3\text{ cm}$.

a) $CD = HG = EF = AB = 3\text{ cm}$.

b) Các đường chéo của hình hộp chữ nhật ABCD.EFGH là AG, DF, EC, BH.

c) $AD = HE = GF = BC = 4\text{ cm}$.

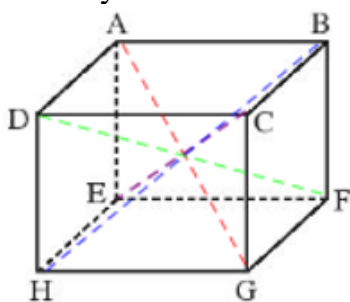
d) Các góc đỉnh C là: Góc BCD, góc DCG, góc CDH.

Lời giải:

a) Do ABCD.EFGH là hình hộp chữ nhật nên ABCD, AEHD, BCGF, ABFE, ACGH, EFGH là các hình chữ nhật.

Do đó ta có: $CD = HG = EF = AB = 5\text{ cm}$;

b) Các đường chéo của hình hộp chữ nhật ABCD.EFGH là AG, DF, EC, BH, ta vẽ như hình dưới đây:



c) Do ABCD.EFGH là hình hộp chữ nhật nên ABCD, AEHD, BCGF, ABFE, ACGH, EFGH là các hình chữ nhật.

Do đó ta có: $AD = HE = GF = BC = 4\text{ cm}$;

d) Các góc đỉnh C là: Góc BCD, góc DCG, góc BCG.

Do đó:

Sai a) $CD = HG = EF = AB = 3\text{ cm}$.

Đúng b) Các đường chéo của hình hộp chữ nhật ABCD.EFGH là AG, DF, EC, BH.

Đúng c) $AD = HE = GF = BC = 4\text{ cm}$.

Đúng d) Các góc đỉnh C là: Góc BCD, góc DCG, góc CDH.

a. Sai

b. Đúng

c. Đúng

d. Đúng

PHẦN III. (2 điểm) Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4.

Câu 15: Đáp án: **0,25**

Ta có:
$$\left(\frac{-1}{2}\right)^{11} : \left(\frac{-1}{2}\right)^9 = \left(\frac{-1}{2}\right)^2 = \frac{1}{4} = 0,25;$$

Câu 16:

Đáp án: **2,5**

Tìm số hữu tỉ x , biết:

$$x - 1\frac{1}{4} = \frac{1}{2}$$

$$x - \frac{5}{6} = \frac{1}{2}$$

$$x = \frac{1}{2} + \frac{5}{6}$$

$$x = \frac{3}{6} + \frac{5}{6} = \frac{8}{6}$$

$$x = \frac{4}{3}$$

Câu 17. Vì tia Oz là tia phân giác của góc đó thì $\widehat{xOz} = 40^0$

Câu 18. $\widehat{AOC} = 50^0$ (vì hai góc đối đỉnh bằng nhau).

B.Tự luận (3 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
19	c) Diện tích xung quanh của hình lăng trụ đứng tam giác là: $S_{xq} = (3 + 4 + 5) \cdot 6 = 72 \text{ (cm}^2\text{)}$	0,5
	d) Thể tích của hình lăng trụ đứng tam giác là: $V = \left(\frac{1}{2} \cdot 3 \cdot 4\right) \cdot 6 = 36 \text{ (cm}^3\text{)}$	1
20	c) Số bao xi măng cần dùng là: $8 \cdot \frac{3}{4} = 6$ bao	1,0
	d) Vì 6 là số nguyên (có thể viết dưới dạng phân số $\frac{6}{1}$), nên nó là số hữu tỉ.	0,5

UBND PHƯỜNG SA PA
TRƯỜNG TH&THCS CẦU MÂY

(Đề gồm 03 trang, 20 câu)

Đề 02

Họ và tên.....Lớp

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2025 – 2026

Môn: Toán – Lớp 7

Thời gian làm bài: 90 phút
(Không kể thời gian giao đề)

A. Trắc nghiệm (7 điểm)

PHẦN I. (3 điểm) Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi Học sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Số đối của $\frac{3}{5}$ là:

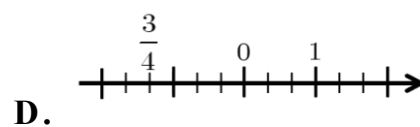
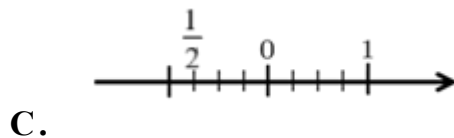
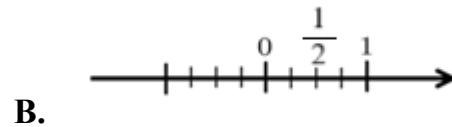
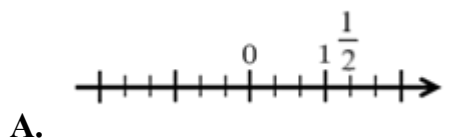
A. $\frac{3}{5}$.

B. $-\frac{3}{2}$.

C. $-\frac{2}{3}$.

D. $-\frac{3}{5}$.

Câu 2. Cách biểu diễn số $\frac{1}{2}$ trên trục số nào dưới đây đúng?



Câu 3. Tính $(x^2)^3$ được kết quả là

A. x^5

B. x^8

C. x^6

D. x^9

Câu 4. Tính 2^2 được kết quả là

A. -2

B. 3

C. 2

D. 4

Câu 5. Căn bậc hai số học của 9 là:

A. ± 3 .

B. 3.

C. -3.

D. 9.

Câu 6. Kết quả của phép tính: $-\frac{3}{4} + \frac{1}{2} = ?$

A. $-\frac{1}{2}$;

B. $-\frac{1}{4}$;

C. $\frac{3}{4}$;

D. $\frac{1}{60}$.

Câu 7. Trong các số sau, số nào là số vô tỉ?

A. $\sqrt{49}$

B. $\frac{3}{4}$

C. 0,333...

D. $\sqrt{2}$

Câu 8. Kết quả phép tính: $\sqrt{25} - \sqrt{4}$ là:

A. 3

B. -3

C. 25

D. 4

Câu 9. Hai góc bù nhau là hai góc:

A. Có một cạnh chung và hai cạnh còn lại đối nhau.

B. Có tổng số đo bằng 90°

C. Có tổng số đo bằng 180°

D. Bằng nhau.

Câu 10. Cho góc $\widehat{xOz} = 60^\circ$. Tia Oz nằm giữa hai tia Ox và Oy sao cho $\widehat{xOz} > \widehat{zOy}$

A. Oz không là tia phân giác của góc xOy.

B. Oz là tia phân giác của góc xOy

C. Oz nằm ngoài góc xOy.

D. Không xác định được.

Câu 11. Công thức tính diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật với chiều dài là a , chiều rộng là b , chiều cao là c (a, b, c cùng đơn vị đo) là:

A. $S_{xq} = 2.(a + b).c$.

B. $S_{xq} = (a + b).c$.

C. $S_{xq} = 2.(a + b + c)$.

D. $S_{xq} = 2.(a + c).b$.

Câu 12. Hình lăng trụ đứng tam giác có số cạnh là:

A. 8.

B. 9.

C. 12.

D. 10.

PHẦN II. (2 điểm) Câu trắc nghiệm đúng sai. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 2. Trong mỗi ý a, b, c, d ở mỗi câu, Học sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 13. Cho các số sau: $-1,75$; -2 ; 0 ; $5\frac{3}{6}$; π ; $\frac{22}{7}$; $\sqrt{5}$.

Xét tính đúng sai của các mệnh đề sau:

a) Số nhỏ nhất trong dãy số trên là -2 ;

b) Số lớn nhất trong dãy số trên là $5\frac{3}{6}$;

c) $-1,75$ là $\sqrt{5}$ là số đối của nhau;

d) $\pi > \frac{22}{7}$.

Câu 14 (1,0 điểm). Trong hình lăng trụ đứng tam giác (hình bên) có:

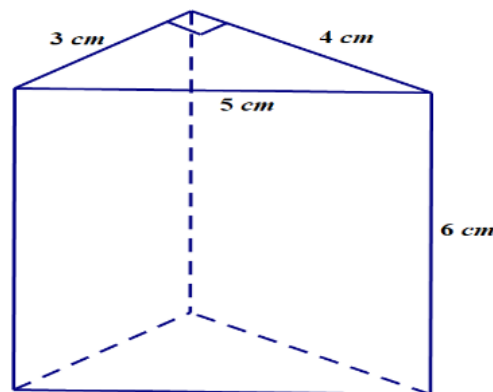
Xét tính đúng sai của các mệnh đề sau:

a) 5 mặt, 6 đỉnh, 9 cạnh;

b) Diện tích xung quanh là 70 cm^2 ;

c) Thể tích là 72 cm^3 ;

d) Diện tích toàn phần là 84 cm^2 .



PHẦN III. (2 điểm) Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4.

Câu 15: Kết quả phép tính $\left(\frac{-1}{5}\right)^{10} : \left(\frac{-1}{5}\right)^8$ là bao nhiêu?

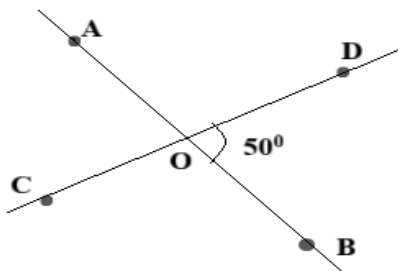
Câu 16: Tìm số hữu tỉ x , biết:

$$x - 2\frac{1}{6} = \frac{1}{3}$$

Câu 17. Nếu góc $xOz = 80^\circ$ và tia Oz là tia phân giác của góc đó thì $\widehat{xOz}$ bằng bao nhiêu độ?

Câu 18. Hai đường thẳng AB và CD cắt nhau tại O. Biết $\widehat{BOD} = 50^\circ$. Như hình vẽ

Hỏi số đo của $\widehat{AOC}$ bằng bao nhiêu?



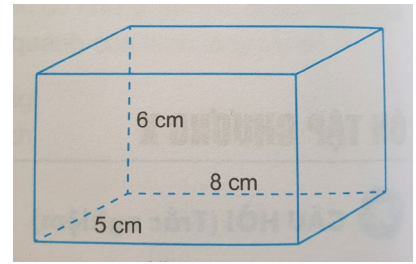
B. Tự luận (3 điểm)

Câu 19: (1.5 điểm) Cho hình vẽ bên.

Cho hình hộp chữ nhật có kích thước như hình bên.

a, Tính thể tích của hình hộp chữ nhật.

b, diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật.



Câu 20: (1.5 điểm) Một người thợ xây cần pha vữa xi măng theo tỉ lệ $\frac{3}{4}$ bao xi măng cho mỗi xô cát.

a) Để có 12 xô cát, người thợ cần dùng bao nhiêu bao xi măng?

b) Kết quả thu được là số hữu tỉ hay số vô tỉ ?

-----Hết-----

Đề 2

A. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

A. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

Từ câu 1 đến câu 14 mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm; từ câu 15 đến câu 18 mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm.

BẢNG ĐÁP ÁN

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	D	B	C	D	B	B	C	A	C	A	A	B
Câu	13a	13b	13c	13d	14a	14b	14c	14d	15	16	17	18
Đáp án	Đ	Đ	S	S	Đ	S	S	Đ	0,04	2,5	40 ⁰	50 ⁰

B. Tự luận (3,0 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
1	Thể tích của hình hộp chữ nhật: $5.6.8 = 240 \text{ cm}^3$	0,5
	Diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật là: $2.(5+8).6 = 156 \text{ cm}^2$	1,0
2	a) Số bao xi măng cần dùng là: $12 \cdot \frac{3}{4} = 9$ bao	1,0
	b) Vì 9 là số nguyên (có thể viết dưới dạng phân số $\frac{9}{1}$), nên nó là số hữu tỉ.	0,5

Phần 1. (3,0 điểm) Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Trong mỗi câu hỏi từ câu 1 đến câu 12, hãy viết chữ cái in hoa đứng trước phương án đúng duy nhất vào bài làm.

Câu 6. Kết quả của phép tính: $\frac{-3}{4} + \frac{1}{2} = ?$

Đáp án đúng là: B. $\frac{-1}{4}$

Ta có: $\frac{-3}{4} + \frac{1}{2} = \frac{-3}{4} + \frac{2}{4} = \frac{-1}{4}$

Câu 8. Kết quả phép tính: $\sqrt{25} - \sqrt{4}$ là:

Đáp án đúng là: A. 3 ;

Ta có: $\sqrt{25} - \sqrt{4} = 5 - 2 = 3$

PHẦN II. (2 điểm) Câu trắc nghiệm đúng sai. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 2. Trong mỗi ý a, b, c, d ở mỗi câu, Học sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 13. Cho các số sau: $-1,75$; -2 ; 0 ; $5\frac{3}{6}$; π ; $\frac{22}{7}$; $\sqrt{5}$.

Xét tính đúng sai của các mệnh đề sau:

a) Số nhỏ nhất trong dãy số trên là -2 ;

b) Số lớn nhất trong dãy số trên là $5\frac{3}{6}$;

c) $-1,75$ là $\sqrt{5}$ là số đối của nhau;

d) $\pi > \frac{22}{7}$.

Lời giải:

Thứ tự sắp xếp từ nhỏ đến lớn là: -2 ; $-1,75$; 0 ; $\sqrt{5}$; π ; $\frac{22}{7}$; $5\frac{3}{6}$

=> Đáp án:

a) Số nhỏ nhất trong dãy số trên là -2 => Chọn: **ĐÚNG**

b) Số lớn nhất trong dãy số trên là $5\frac{3}{6}$ => Chọn: **ĐÚNG**

c) $-1,75$ là $\sqrt{5}$ là số đối của nhau => Chọn: **SAI**

d) $\pi > \frac{22}{7}$ => Chọn: **SAI**

Câu 14 (1,0 điểm). Trong hình lăng trụ đứng tam giác (hình bên) có:

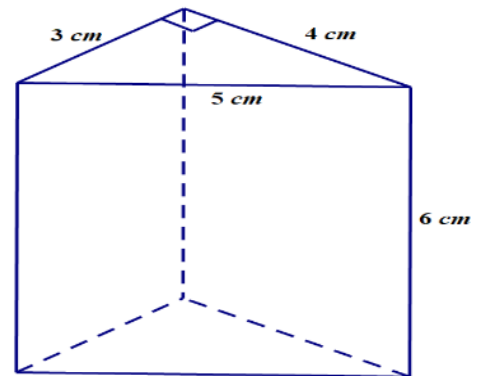
Xét tính đúng sai của các mệnh đề sau:

a) 5 mặt, 6 đỉnh, 9 cạnh;

b) Diện tích xung quanh là 70 cm^2 ;

c) Thể tích là 72 cm^3 ;

d) Diện tích toàn phần là 84 cm^2 .



Lời giải:

a) 5 mặt, 6 đỉnh, 9 cạnh

=> Chọn: **ĐÚNG**

b) Diện tích xung quanh của hình lăng trụ đứng tam giác là: $S_{xq} = (3 + 4 + 5) \cdot 6 = 72 \text{ (cm}^2\text{)}$

=> Chọn: **SAI**

c) Thể tích của hình lăng trụ đứng tam giác là: $V = \left(\frac{1}{2} \cdot 3 \cdot 4\right) \cdot 6 = 36 \text{ (cm}^3\text{)}$

=> Chọn: **SAI**

d) Diện tích toàn phần của hình lăng trụ đứng tam giác là:

$$S_{tp} = S_{xq} + 2S_d = (3 + 4 + 5) \cdot 6 + 2 \cdot \left(\frac{1}{2} \cdot 3 \cdot 4\right) = 72 + 12 = 84 \text{ (cm}^2\text{)}$$

=> Chọn: **ĐÚNG**

PHẦN III. (2 điểm) Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4.

Câu 15: Đáp án: **0,25**

Ta có: $\left(\frac{-1}{5}\right)^{10} : \left(\frac{-1}{5}\right)^8 = \left(\frac{-1}{5}\right)^{10-8} = \left(\frac{-1}{5}\right)^2 = 0,04$;

Câu 16:

Đáp án: **2,5**

Tìm số hữu tỉ x , biết:

$$x - 2\frac{1}{6} = \frac{1}{3}$$

$$x - \frac{13}{6} = \frac{1}{3}$$

$$x = \frac{1}{3} + \frac{13}{6}$$

$$x = \frac{2}{6} + \frac{13}{6} = \frac{15}{6}$$

$$x = \frac{5}{2}$$

Câu 17. Vì tia Oz là tia phân giác của góc đó thì $\widehat{xOz} = 40^0$

Câu 18. $\widehat{AOC} = 50^0$ (vì hai góc đối đỉnh bằng nhau).

B.Tự luận (3 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
19	Thể tích của hình hộp chữ nhật: $5.6.8 = 240 \text{ cm}^3$	0,5
	Diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật là: $2.(5+8).6 = 156 \text{ cm}^2$	1
20	a) Số bao xi măng cần dùng là: $12 \cdot \frac{3}{4} = 9$ bao	1,0
	b) Vì 9 là số nguyên (có thể viết dưới dạng phân số $\frac{9}{1}$), nên nó là số hữu tỉ.	0,5

UBND PHƯỜNG SA PA
TRƯỜNG TH&THCS CẦU MÂY

(Đề gồm 03 trang, 20 câu)

Đề 03

Họ và tên.....Lớp

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I
NĂM HỌC 2025 – 2026

Môn: Toán – Lớp 7

Thời gian làm bài: 90 phút

(Không kể thời gian giao đề)

A.Trắc nghiệm(7 điểm)

PHẦN I. (3 điểm) Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi Học sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Số đối của $\frac{5}{7}$ là:

A. $\frac{3}{5}$.

B. $\frac{-3}{2}$.

C. $\frac{-2}{3}$.

D. $\frac{-5}{7}$.

Câu 2. Quan sát trục số sau, điểm A biểu diễn số hữu tỉ nào ?



A. 3

B. $\frac{1}{3}$

C. $-\frac{1}{3}$

D. $\frac{4}{3}$

Câu 3. Tính $(x^3)^2$ được kết quả là

A. x^5

B. x^8

C. x^6

D. x^9

Câu 4. Tính 2^3 được kết quả là

A. -2

B. 3

C. 2

D. 8

Câu 5. Căn bậc hai số học của 25 là:

A. ± 3 .

B. 5.

C. -3.

D. 9.

Câu 6. Kết quả của phép tính: $\frac{-3}{2} + \frac{1}{4} = ?$

A. $\frac{-1}{2}$;

B. $\frac{-5}{4}$;

C. $\frac{3}{4}$;

D. $\frac{1}{60}$.

Câu 7. Trong các số sau, số nào là số vô tỉ?

A. $\sqrt{49}$

B. $\frac{3}{4}$

C. 0,333...

D. $\sqrt{3}$

Câu 8. Kết quả phép tính: $\sqrt{9} - \sqrt{36}$ là:

A. 3

B. -3

C. 25

D. 4

Câu 9. Hai góc bù nhau là hai góc:

A. Có một cạnh chung và hai cạnh còn lại đối nhau.

B. Có tổng số đo bằng 90°

C. Có tổng số đo bằng 180°

D. Bằng nhau.

Câu 10. Cho góc $xOz = 60^\circ$. Tia Oz nằm giữa hai tia Ox và Oy sao cho $\widehat{xOz} > \widehat{zOy}$

A. Oz không là tia phân giác của góc xOy.

B. Oz là tia phân giác của góc xOy

C. Oz nằm ngoài góc xOy.

D. Không xác định được.

Câu 11. Công thức tính diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật với chiều dài là a , chiều rộng là b , chiều cao là c (a, b, c cùng đơn vị đo) là:

A. $S_{xq} = 2.(a + b).c$.

B. $S_{xq} = (a + b).c$.

C. $S_{xq} = 2.(a + b + c)$.

D. $S_{xq} = 2.(a + c).b$.

Câu 12. Hình lăng trụ đứng tam giác có số cạnh là:

A. 8.

B. 9.

C. 12.

D. 10.

PHẦN II. (2 điểm) Câu trắc nghiệm đúng sai. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 2. Trong mỗi ý a, b, c, d ở mỗi câu, Học sinh chọn đúng hoặc sai.

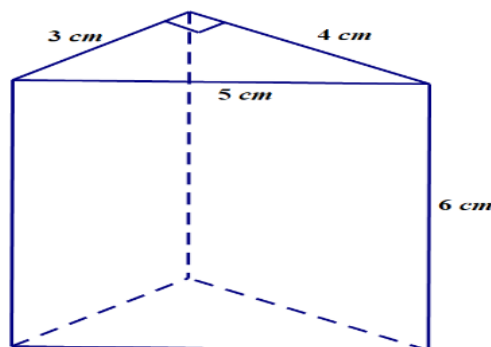
Câu 13.

- a. Tổng của hai số hữu tỉ đối nhau luôn bằng 0.
- b. Phép nhân hai số hữu tỉ cùng dấu luôn cho kết quả là một số âm.
- c. Khi chuyển một hạng tử từ vế này sang vế kia trong đẳng thức, ta giữ nguyên dấu của nó.
- d. Giá trị của biểu thức $(-3) \cdot \frac{2}{3} = -2$.

Câu 14 (1,0 điểm). Trong hình lăng trụ đứng tam giác (hình bên) có:

Xét tính đúng sai của các mệnh đề sau:

- a) 5 mặt, 6 đỉnh, 9 cạnh;
- b) Diện tích xung quanh là 70 cm^2 ;
- c) Thể tích là 72 cm^3 ;
- d) Diện tích toàn phần là 84 cm^2 .



PHẦN III. (2 điểm) Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4.

Câu 15: Kết quả phép tính $\left(\frac{-1}{5}\right)^{10} : \left(\frac{-1}{5}\right)^8$ là bao nhiêu?

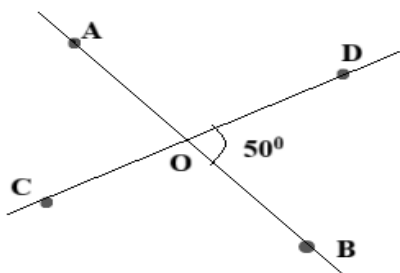
Câu 16: Tìm số hữu tỉ x , biết:

$$x - 2\frac{1}{6} = \frac{1}{3}$$

Câu 17. Nếu góc $\angle xOz = 80^\circ$ và tia Oz là tia phân giác của góc đó thì $\widehat{xOz}$ bằng bao nhiêu độ?

Câu 18. Hai đường thẳng AB và CD cắt nhau tại O. Biết $\widehat{BOD} = 50^\circ$. Như hình vẽ

Hỏi số đo của $\widehat{AOC}$ bằng bao nhiêu?

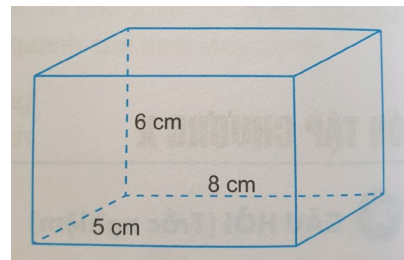


B. Tự luận (3 điểm)

Câu 19: (1.5 điểm) Cho hình vẽ bên.

Cho hình hộp chữ nhật có kích thước như hình bên.

- a, Tính thể tích của hình hộp chữ nhật.
- b, diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật.



Câu 20: (1.5 điểm) Một người thợ cần cắt 3 đoạn gỗ có độ dài lần lượt là $\frac{3}{4}m$; $1\frac{1}{2}m$ và $\frac{5}{6}m$.

- a) Tính tổng chiều dài của 3 đoạn gỗ đó.
- b) Kết quả thu được là số hữu tỉ hay số vô tỉ ?

-----Hết-----

Đề 3

A. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

Từ câu 1 đến câu 14 mỗi câu trả lời đúng được 0,25 điểm; từ câu 15 đến câu 18 mỗi câu trả lời đúng được 0,5 điểm.

BẢNG ĐÁP ÁN

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	D	B	C	D	B	B	D	B	C	A	A	B
Câu	13a	13b	13c	13d	14a	14b	14c	14d	15	16	17	18
Đáp án	Đ	S	S	Đ	Đ	S	S	Đ	0,25	2,5	40 ⁰	50 ⁰

B. Tự luận (3 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
19	Thể tích của hình hộp chữ nhật: $5.6.8 = 240 \text{ cm}^3$	0,5
	Diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật là: $2.(5+8).6 = 156 \text{ cm}^2$	1
20	Tổng chiều dài của 3 đoạn gỗ đó là $\frac{3}{4} + \frac{3}{2} + \frac{5}{6} = \frac{9}{12} + \frac{18}{12} + \frac{10}{12} = 3\frac{1}{2}$	1,0
	a) Tổng chiều dài 3 đoạn gỗ là $\frac{37}{12} \text{ m}$ hay $3\frac{1}{2} \text{ m}$. b) Kết quả thu được là số hữu tỉ	0,5

Phần 1. (3,0 điểm) Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn

Trong mỗi câu hỏi từ câu 1 đến câu 12, hãy viết chữ cái in hoa đứng trước phương án đúng duy nhất vào bài làm.

Câu 6. Kết quả của phép tính: $\frac{-3}{2} + \frac{1}{4} = ?$

Đáp án đúng là: B. $\frac{-5}{4}$

Ta có: $\frac{-3}{2} + \frac{1}{4} = \frac{-6}{4} + \frac{1}{4} = \frac{(-6)+1}{4} = \frac{-5}{4}$

PHẦN II. (2 điểm) Câu trắc nghiệm đúng sai. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 2. Trong mỗi ý a, b, c, d ở mỗi câu, Học sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 13. Cho các số sau: $-1,75$; -2 ; 0 ; $5\frac{3}{6}$; π ; $\frac{22}{7}$; $\sqrt{5}$.

Xét tính đúng sai của các mệnh đề sau:

a) Số nhỏ nhất trong dãy số trên là -2 ;

b) Số lớn nhất trong dãy số trên là $5\frac{3}{6}$;

c) $-1,75$ là $\sqrt{5}$ là số đối của nhau;

d) $\pi > \frac{22}{7}$.

Lời giải:

Thứ tự sắp xếp từ nhỏ đến lớn là: -2 ; $-1,75$; 0 ; $\sqrt{5}$; π ; $\frac{22}{7}$; $5\frac{3}{6}$

=> Đáp án:

a) Số nhỏ nhất trong dãy số trên là -2 => Chọn: **ĐÚNG**

b) Số lớn nhất trong dãy số trên là $5\frac{3}{6}$ => Chọn: **ĐÚNG**

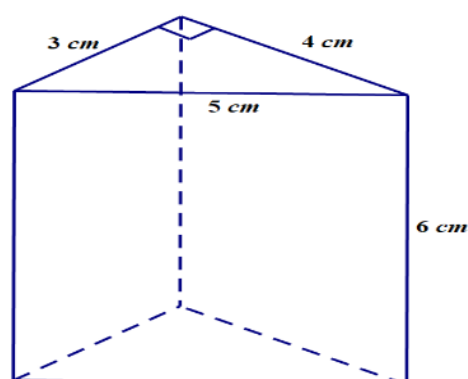
c) $-1,75$ là $\sqrt{5}$ là số đối của nhau => Chọn: **SAI**

d) $\pi > \frac{22}{7}$ => Chọn: **SAI**

Câu 14 (1,0 điểm). Trong hình lăng trụ đứng tam giác (hình bên) có:

Xét tính đúng sai của các mệnh đề sau:

- a) 5 mặt, 6 đỉnh, 9 cạnh;
- b) Diện tích xung quanh là 70 cm^2 ;
- c) Thể tích là 72 cm^3 ;
- d) Diện tích toàn phần là 84 cm^2 .



Lời giải:

a) 5 mặt, 6 đỉnh, 9 cạnh

=> Chọn: **ĐÚNG**

b) Diện tích xung quanh của hình lăng trụ đứng tam giác là: $S_{xq} = (3 + 4 + 5) \cdot 6 = 72 \text{ (cm}^2\text{)}$

=> Chọn: **SAI**

c) Thể tích của hình lăng trụ đứng tam giác là: $V = \left(\frac{1}{2} \cdot 3 \cdot 4\right) \cdot 6 = 36 \text{ (cm}^3\text{)}$

=> Chọn: **SAI**

d) Diện tích toàn phần của hình lăng trụ đứng tam giác là:

$$S_{tp} = S_{xq} + 2S_d = (3 + 4 + 5) \cdot 6 + 2 \cdot \left(\frac{1}{2} \cdot 3 \cdot 4\right) = 72 + 12 = 84 \text{ (cm}^2\text{)}$$

=> Chọn: **ĐÚNG**

PHẦN III. (2 điểm) Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4.

Câu 15: Đáp án: **0,25**

Ta có: $\left(\frac{-1}{5}\right)^{10} : \left(\frac{-1}{5}\right)^8 = \left(\frac{-1}{5}\right)^{10-8} = \left(\frac{-1}{5}\right)^2 = 0,04$;

Câu 16:

Đáp án: **2,5**

Tìm số hữu tỉ x , biết:

$$x - 2\frac{1}{6} = \frac{1}{3}$$

$$x - \frac{13}{6} = \frac{1}{3}$$

$$x = \frac{1}{3} + \frac{13}{6}$$

$$x = \frac{2}{6} + \frac{13}{6} = \frac{15}{6}$$

$$x = \frac{5}{2}$$

Câu 17. Vì tia Oz là tia phân giác của góc đó thì $\widehat{xOz} = 40^0$

Câu 18. $\widehat{AOC} = 50^0$ (vì hai góc đối đỉnh bằng nhau).

B.Tự luận (3 điểm)

Câu	Nội dung	Điểm
19	Thể tích của hình hộp chữ nhật: $5.6.8 = 240 \text{ cm}^3$	0,5
	Diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật là: $2.(5+8).6 = 156 \text{ cm}^2$	1
20	Tổng chiều dài của 3 đoạn gỗ đó là $\frac{3}{4} + \frac{3}{2} + \frac{5}{6} = \frac{9}{12} + \frac{18}{12} + \frac{10}{12} = 3\frac{1}{2}$	1,0
	c) Tổng chiều dài 3 đoạn gỗ là $\frac{37}{12} \text{ m}$ hay $3\frac{1}{2} \text{ m}$. d) Kết quả thu được là số hữu tỉ	0,5